

PHỤ LỤC

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ NỘI VỤ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNV ngày tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Văn bản quy định việc sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Điều kiện cung cấp DVCTT toàn trình	Đã được công bố tại Quyết định	Hiệu lực từ ngày
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG								
I.1. Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước								
1	1.005129	Đăng ký hợp đồng cung ứng lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Thông tư số 09/2026/TT-BNV ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi	Quản lý lao động ngoài nước	Bộ Nội vụ	Đủ điều kiện	458/QĐ-BNV ngày 21/4/2026	30/6/2026

			làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng					
II.2. Lĩnh vực An toàn, vệ sinh lao động								
2	1.000354	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	An toàn, vệ sinh lao động	Các Bộ có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động được phân công tại Phụ lục I.4.1 ban hành kèm theo Phụ lục I.4 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh theo phân cấp được quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP	Một phần	530/QĐ-BNV ngày 14/5/2026	Từ 01/7/2026 đến 28/02/2027
3	2.000199	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	An toàn, vệ sinh lao động		Một phần	530/QĐ-BNV ngày 14/5/2026	Từ 01/7/2026 đến 28/02/2027
4	1.000137	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với trường hợp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	An toàn, vệ sinh lao động		Một phần	530/QĐ-BNV ngày 14/5/2026	Từ 01/7/2026 đến 28/02/2027
5	1.000131	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với Giấy chứng nhận bị mất, hỏng	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	An toàn, vệ sinh lao động		Một phần	530/QĐ-BNV ngày 14/5/2026	Từ 01/7/2026 đến 28/02/2027

6	1.000148	Cấp Chứng chỉ kiểm định viên	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	An toàn, vệ sinh lao động	Cơ quan chuyên môn thuộc các Bộ có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định	Đủ điều kiện	530/QĐ-BNV ngày 14/5/2026	Từ 01/7/2026 đến 28/02/2027
7	2.000037	Cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên đối với trường hợp bổ sung, sửa đổi nội dung chứng chỉ kiểm định viên	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	An toàn, vệ sinh lao động	lao động được phân công tại Phụ lục I.4.1 ban hành kèm theo Phụ lục I.4 Nghị quyết số	Đủ điều kiện	530/QĐ-BNV ngày 14/5/2026	Từ 01/7/2026 đến 28/02/2027
8	1.000187	Cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên trong trường hợp hết hạn	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	An toàn, vệ sinh lao động	66.18/2026/NQ-CP; Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh theo phân cấp được quy định tại	Đủ điều kiện	530/QĐ-BNV ngày 14/5/2026	Từ 01/7/2026 đến 28/02/2027
9	1.000183	Cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên đối với trường hợp bị hỏng hoặc mất	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	An toàn, vệ sinh lao động	Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP	Đủ điều kiện	530/QĐ-BNV ngày 14/5/2026	Từ 01/7/2026 đến 28/02/2027

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH								
II.1. Lĩnh vực Lao động - Tiền lương								
10	1.000414	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Lao động - Tiền lương	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đủ điều kiện	321/QĐ-BNV ngày 08/4/2025	Từ 01/7/2026 đến 28/02/2027
II.2. Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước								
11	1.015021	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập	Thông tư số 09/2026/TT-BNV ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Quản lý lao động ngoài nước	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	Đủ điều kiện	530/QĐ-BNV ngày 14/5/2026	30/6/2026

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

12	1.013734	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	<p>Thông tư số 09/2026/TT-BNV ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng</p>	Quản lý lao động ngoài nước	Ủy ban nhân dân cấp xã	Đủ điều kiện	640/QĐ-BNV ngày 20/6/2025	30/6/2026
----	----------	--	--	-----------------------------	------------------------	--------------	---------------------------	-----------

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Văn bản quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Đã được công bố tại Quyết định	Hiệu lực từ ngày
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG							
I.1. Lĩnh vực Lưu trữ							
1	1.013929	Cấp, cấp lại Chứng chỉ hành nghề lưu trữ	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Lưu trữ	Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước	647/QĐ-BNV ngày 24/6/2025; 431/QĐ-BNV ngày 14/4/2026	Từ 01/7/2026 đến 28/02/2027
I.2. Lĩnh vực An toàn, vệ sinh lao động							
2	1.005451	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (các tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập), hạng C;	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	An toàn, vệ sinh lao động	Bộ Nội vụ; Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh theo phân cấp được quy định tại Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP	323/QĐ-BNV ngày 08/4/2025	Từ 01/7/2026 đến 28/02/2027

		Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (các tổ chức tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập), hạng C					
3	1.005448	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập), hạng C; Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (các tổ chức tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	An toàn, vệ sinh lao động	Bộ Nội vụ; Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh theo phân cấp được quy định tại Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP	323/QĐ-BNV ngày 08/4/2025	Từ 01/7/2026 đến 28/02/2027

		Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập), hạng C.					
4		Xem xét, đánh giá điều kiện hoạt động của doanh nghiệp tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	An toàn, vệ sinh lao động	Bộ Nội vụ		Từ 01/7/2026 đến 28/02/2027
II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH							
II.1. Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước							
5	1.013733	Chuẩn bị nguồn lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Quản lý lao động ngoài nước	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	458/QĐ-BNV ngày 21/4/2026	Từ 01/7/2026 đến 28/02/2027
II.2. Lĩnh vực Lưu trữ							
6	1.013934	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trữ	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Lưu trữ	Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	647/QĐ-BNV ngày 24/6/2025	Từ 01/7/2026 đến 28/02/2027

II.3. Lĩnh vực Việc làm							
7	2.002824	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Việc làm	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	04/QĐ-BNV ngày 05/01/2026	Từ 01/7/2026 đến 28/02/2027
8	2.002825	Cấp lại Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Việc làm	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	04/QĐ-BNV ngày 05/01/2026	Từ 01/7/2026 đến 28/02/2027
9	2.002826	Gia hạn Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Việc làm	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	04/QĐ-BNV ngày 05/01/2026	Từ 01/7/2026 đến 28/02/2027
10	2.002827	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Việc làm	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	04/QĐ-BNV ngày 05/01/2026	Từ 01/7/2026 đến 28/02/2027
11	2.002828	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP về	Việc làm	Chủ tịch Ủy ban nhân	04/QĐ-	Từ 01/7/2026

		động dịch vụ việc làm	phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh		dân cấp tỉnh; Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nếu được ủy quyền)	BNV ngày 05/01/2026	đến 28/02/2027
II.4. Lĩnh vực An toàn, vệ sinh lao động							
12	2.000134	Khai báo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	An toàn, vệ sinh lao động	Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	323/QĐ-BNV ngày 08/4/2025	Từ 01/7/2026 đến 28/02/2027
13		Xem xét, đánh giá điều kiện hoạt động của doanh nghiệp tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	An toàn, vệ sinh lao động	Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		Từ 01/7/2026 đến 28/02/2027
14	1.005449	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	An toàn, vệ sinh lao động	Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	323/QĐ-BNV ngày 08/4/2025	Từ 01/7/2026 đến 28/02/2027

		doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)					
15	1.005450	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	An toàn, vệ sinh lao động	Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	323/QĐ-BNV ngày 08/4/2025	Từ 01/7/2026 đến 28/02/2027

		do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập).					
II.5. Lĩnh vực Lao động - Tiền lương							
16	1.000479	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Lao động - Tiền lương	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	458/QĐ-BNV ngày 21/4/2026	Từ 01/7/2026 đến 28/02/2027
17	1.000448	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Lao động - Tiền lương	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	458/QĐ-BNV ngày 21/4/2026	Từ 01/7/2026 đến 28/02/2027
18	1.000464	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Lao động - Tiền lương	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	458/QĐ-BNV ngày 21/4/2026	Từ 01/7/2026 đến 28/02/2027
19	1.000436	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh	Lao động - Tiền lương	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	458/QĐ-BNV ngày 21/4/2026	Từ 01/7/2026 đến 28/02/2027

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

I. LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

1. Đăng ký hợp đồng cung ứng lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

a. Trình tự thực hiện

Bước 1. Doanh nghiệp dịch vụ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Bộ Nội vụ hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Nội vụ trả lời bằng văn bản cho doanh nghiệp dịch vụ. Trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

Trường hợp cần phải thẩm định ở nước ngoài thì phải thông báo cho doanh nghiệp dịch vụ trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được kết quả thẩm định.

b. Cách thức thực hiện: trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

c.1. Thành phần hồ sơ gồm:

(1) Văn bản đăng ký hợp đồng cung ứng lao động theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BNV;

(2) Bản sao của hợp đồng cung ứng lao động kèm theo bản dịch tiếng Việt;

(3) Tài liệu chứng minh việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước tiếp nhận lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 09/2026/TT-BNV, cụ thể gồm:

- Đối với thị trường Ma-lai-xi-a và thị trường Đài Loan (Trung Quốc), tài liệu chứng minh là 01 bản sao Phiếu thẩm định hồ sơ tuyển dụng lao động Việt Nam của cơ quan đại diện Việt Nam tại Ma-lai-xi-a và Đài Loan (Trung Quốc).

- Đối với thị trường Nhật Bản, Chương trình thuyền viên tàu cá gần bờ của thị trường Hàn Quốc:

+ Trường hợp bên nước ngoài tiếp nhận lao động là người sử dụng lao động, tài liệu chứng minh là 01 bản sao giấy phép kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương do cơ quan chức năng cấp cho người sử dụng lao động thể

hiện lĩnh vực kinh doanh phù hợp với ngành, nghề, công việc tuyển dụng lao động nước ngoài, kèm bản dịch tiếng Việt;

+ Trường hợp bên tiếp nhận lao động là tổ chức dịch vụ việc làm, tài liệu chứng minh là 01 bản sao giấy phép do cơ quan có thẩm quyền nước tiếp nhận cấp hoặc xác nhận cho tổ chức dịch vụ việc làm thể hiện ngành nghề kinh doanh bao gồm dịch vụ việc làm, kèm theo bản dịch tiếng Việt hoặc danh sách các đoàn thể quản lý, các tổ chức được phép tiếp nhận thực tập sinh kỹ năng, lao động kỹ năng đặc định, lao động phát triển kỹ năng người nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của Nhật Bản cung cấp cho phía Việt Nam theo Thỏa thuận hợp tác đã được ký kết (đối với thị trường Nhật Bản).

- Đối với các nước, vùng lãnh thổ khác, trường hợp bên nước ngoài tiếp nhận lao động là người sử dụng lao động, tài liệu chứng minh bao gồm:

+ 01 bản sao giấy phép kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương do cơ quan chức năng cấp cho người sử dụng lao động thể hiện lĩnh vực kinh doanh phù hợp với ngành, nghề, công việc tuyển dụng lao động nước ngoài, kèm bản dịch tiếng Việt;

+ 01 bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước tiếp nhận cho phép người sử dụng lao động tuyển dụng lao động nước ngoài hoặc danh mục ngành, nghề, công việc được phép tuyển dụng lao động nước ngoài đối với nước tiếp nhận có quy định hoặc 01 bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền thể hiện việc tiếp nhận lao động nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật nước tiếp nhận, kèm bản dịch tiếng Việt.

- Đối với các nước, vùng lãnh thổ nêu tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH (được sửa đổi tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 09/2026/TT-BNV), trường hợp bên nước ngoài tiếp nhận lao động là tổ chức dịch vụ việc làm, tài liệu chứng minh bao gồm:

+ 01 bản sao giấy phép kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương do cơ quan chức năng cấp hoặc xác nhận cho tổ chức dịch vụ việc làm thể hiện ngành, nghề kinh doanh bao gồm dịch vụ việc làm, kèm bản dịch tiếng Việt;

+ 01 bản sao thỏa thuận hợp tác hoặc văn bản yêu cầu hoặc văn bản ủy quyền tuyển dụng lao động Việt Nam của người sử dụng lao động cho tổ chức dịch vụ việc làm, kèm bản dịch tiếng Việt;

+ Tài liệu chứng minh đối với người sử dụng lao động quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH (được sửa đổi tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 09/2026/TT-BNV).

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không bao gồm thời gian thẩm định ở nước ngoài (nếu có).

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

e. Cơ quan giải quyết: Bộ Nội vụ.

f. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

g. Phí, lệ phí: Không.

h. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đăng ký hợp đồng cung ứng lao động (theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BNV).

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 13/11/2020.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.

- Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Thông tư số 09/2026/TT-BNV ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

* **Ghi chú:** Thủ tục hành chính này được sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý.

Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BNV

Mã hồ sơ:

Tên doanh nghiệp**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/ĐKHD

....., ngày tháng năm 20.....

ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG CUNG ỨNG LAO ĐỘNG

Kính gửi: Bộ Nội vụ

1. Tên doanh nghiệp:

Tên viết tắt:

2. Doanh nghiệp đăng ký Hợp đồng cung ứng lao động đi làm việc tại ký ngày .../.../.... với bên nước ngoài tiếp nhận lao động (tổ chức dịch vụ việc làm/người sử dụng lao động ở nước ngoài):

- Địa chỉ:

- Điện thoại:; Fax:; E-mail:

- Người đại diện:; Chức vụ:

3. Nội dung:

- Người sử dụng lao động:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:; Fax:; E-mail:

- Người đại diện:; Chức vụ:

- Thời hạn hợp đồng lao động:

- Số lượng: trong đó nữ:

- Ngành, nghề: trong đó số có nghề:

- Địa điểm làm việc:

- Thời giờ làm việc:; Thời giờ nghỉ ngơi:

- An toàn, vệ sinh lao động:

- Tiền lương/tiền công:

- Các phụ cấp khác, tiền thưởng:

- Tiền làm thêm giờ:

- Các khoản khấu trừ từ lương theo quy định của nước tiếp nhận lao động:

- Điều kiện ăn, ở, sinh hoạt:

- Các chế độ bảo hiểm:

- Tiền dịch vụ được bên nước ngoài tiếp nhận lao động chi trả (nếu có):

- Các chi phí do bên nước ngoài tiếp nhận lao động chi trả (nếu có):
- Hỗ trợ khác:

4. Chi phí người lao động phải trả:

- Tiền dịch vụ:
- Chi phí đi lại từ Việt Nam đến nơi làm việc:
- Chi phí đi lại từ nơi làm việc về Việt Nam khi hoàn thành hợp đồng:
- Đóng góp Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước:
- Bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ (nếu có):
- Khám sức khỏe:
- Bảo hiểm xã hội (đóng cho cơ quan BHXH Việt Nam):
- Hộ chiếu, Lý lịch tư pháp:
- Thị thực (visa):
- Chi phí khác:
- Tổng cộng:

5. Các thỏa thuận khác giữa doanh nghiệp và người lao động:

- Ký quỹ:
- Bảo lãnh:

6. Thời gian tuyển chọn: ... tháng (không quá 12 tháng kể từ ngày chấp thuận đăng ký hợp đồng cung ứng lao động)

7. Hồ sơ gửi kèm theo:

.....

.....

.....

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

II. LĨNH VỰC AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

2. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

a. Trình tự thực hiện

Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

Tổ chức có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đến cơ quan có thẩm quyền (các Bộ có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động được phân công tại Phụ lục I.4.1 ban hành kèm theo Phụ lục I.4 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh theo nội dung phân cấp được quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP).

Bước 2. Thẩm định và cấp Giấy chứng nhận

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền phải tiến hành thẩm định và cấp Giấy chứng nhận hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động. Trường hợp không cấp thì phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

c. Thành phần số lượng hồ sơ

c.1) Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP.

- Bản sao quyết định thành lập đối với đơn vị sự nghiệp.

- Danh mục thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định theo Phụ lục số Ia ban hành kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.

- Danh sách kiểm định viên theo mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 140/2018/NĐ-CP.

- Một trong các tài liệu sau để chứng minh kinh nghiệm của người phụ trách kỹ thuật hoạt động kiểm định:

+ Bản sao sổ hoặc tờ rời về tham gia bảo hiểm xã hội;

+ Bản sao hợp đồng lao động;

+ Bản sao biên bản kiểm định kèm theo giấy chứng nhận kết quả kiểm định.

c.2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Không quá 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức có nhu cầu tham gia hoạt động kiểm định các máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Các Bộ có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động được phân công tại Phụ lục I.4.1 ban hành kèm theo Phụ lục I.4 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh theo nội dung phân cấp được quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động hoặc thông báo bằng văn bản trong trường hợp không cấp và nêu rõ lý do.

h. Phí, lệ phí: theo quy định tại Thông tư số 245/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; Thông tư số 110/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Biểu mức thu phí thẩm định điều kiện kinh doanh trong hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân; các văn bản quy phạm pháp luật khác (nếu có).

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động quy định (tại Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023 của Chính phủ).

- Danh mục thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định quy định (tại Phụ lục số Ia ban hành kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP).

- Danh sách kiểm định viên (tại Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 140/2018/NĐ-CP).

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định 140/2018/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

- Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

+ Bảo đảm thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định cho từng đối tượng thuộc phạm vi kiểm định, theo yêu cầu tại quy trình kiểm định.

+ Có ít nhất 02 kiểm định viên làm việc theo hợp đồng từ 12 tháng trở lên thuộc tổ chức để thực hiện kiểm định đối với mỗi đối tượng thuộc phạm vi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định.

+ Người phụ trách kỹ thuật hoạt động kiểm định của tổ chức phải có thời gian làm kiểm định viên tối thiểu 02 năm.

- Các thiết bị, nhân lực nêu tại các điểm a, b và c Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP) chỉ được sử dụng để làm điều kiện đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với một tổ chức.

I. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015.

- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

* **Ghi chú:** Thủ tục hành chính này được sửa đổi, bổ sung cơ quan thực hiện thủ tục hành chính, căn cứ pháp lý.

Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động**

Kính gửi:

1. Tên tổ chức:

Điện thoại: Fax: E-mail:

2. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... Cơ quan cấp: cấp ngày tại

3. Sau khi nghiên cứu quy định tại Nghị định số [44/2016/NĐ-CP](#) ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các đối tượng kiểm định trong phạm vi sau đây:

STT	Tên đối tượng kiểm định <i>(Theo Danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành)</i>	Giới hạn đặc tính kỹ thuật <i>(Giới hạn đặc tính kỹ thuật của máy, thiết bị, vật tư mà tổ chức có khả năng thực hiện)</i>
1	
2	

Đề nghị quý Cơ quan xem xét và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho ... (tên tổ chức) theo phạm vi nêu trên.

4. Tài liệu gửi kèm theo gồm có:.....

5. Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị này và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

- Thực hiện đúng các quy định về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC....*(Ký tên và đóng dấu)*

Phụ lục số Ia ban hành kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP
MẪU DANH MỤC THIẾT BỊ, DỤNG CỤ PHỤC VỤ KIỂM ĐỊNH
(TÊN TỔ CHỨC)

DANH MỤC THIẾT BỊ, DỤNG CỤ PHỤC VỤ KIỂM ĐỊNH

TT	TÊN PHƯƠNG TIỆN	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	TÌNH TRẠNG HIỆU CHUẨN/ KIỂM ĐỊNH	THỜI HẠN HIỆU CHUẨN	MÃ SỐ CHẾ TẠO THIẾT BỊ	TÌNH TRẠNG THIẾT BỊ
1						
2						
3						
4						

....., ngày tháng năm.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC...

(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 140/2018/NĐ-CP
(TÊN TỔ CHỨC).....

DANH SÁCH KIỂM ĐỊNH VIÊN

STT	Họ và tên	Số hiệu kiểm định viên (nếu có)	Phạm vi kiểm định	Số hợp đồng lao động/loại hợp đồng lao động
1				
2				
3				
4				
.....				

....., ngày ... tháng ... năm

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

3. Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

a. Trình tự thực hiện

Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

Tổ chức có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đến cơ quan có thẩm quyền (các Bộ có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động được phân công tại Phụ lục I.4.1 ban hành kèm theo Phụ lục I.4 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh theo nội dung phân cấp được quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP).

Bước 2. Thẩm định và gia hạn Giấy chứng nhận

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền phải tiến hành thẩm định và gia hạn Giấy chứng nhận hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động. Trường hợp không gia hạn thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

c. Thành phần số lượng hồ sơ

c.1) Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP.

- Giấy chứng nhận đã được cấp.

- Tài liệu dưới đây trong trường hợp có sự thay đổi:

+ Bản sao quyết định thành lập đối với đơn vị sự nghiệp;

+ Danh mục thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định quy định tại Phụ lục số Ia ban hành kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP;

+ Danh sách kiểm định viên theo mẫu tại Phụ lục Ia ban hành kèm theo Nghị định 140/2018/NĐ-CP;

+ Một trong các tài liệu sau để chứng minh kinh nghiệm của người phụ trách kỹ thuật hoạt động kiểm định:

* Bản sao sổ hoặc tờ rời về tham gia bảo hiểm xã hội;

* Bản sao hợp đồng lao động;

* Bản sao biên bản kiểm định kèm theo giấy chứng nhận kết quả kiểm định.

c.2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Không quá 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kiểm định có nhu cầu gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: các Bộ có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động được phân công tại Phụ lục I.4.1 ban hành kèm theo Phụ lục I.4 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh theo nội dung phân cấp được quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động hoặc thông báo bằng văn bản trong trường hợp không gia hạn và nêu rõ lý do.

h. Phí, lệ phí: theo quy định tại Thông tư số 245/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; Thông tư số 110/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Biểu mức thu phí thẩm định điều kiện kinh doanh trong hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân; các văn bản quy phạm pháp luật khác (nếu có).

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (tại Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP).

- Danh mục thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định (tại Phụ lục số Ia ban hành kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP).

- Mẫu Danh sách kiểm định viên (tại Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 140/2018/NĐ-CP).

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Đối với trường hợp gia hạn, ít nhất 15 ngày làm việc trước khi hết thời hạn trong Giấy chứng nhận, tổ chức gửi hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền. Đồng thời, đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 140/2018/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

- Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

+ Bảo đảm thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định cho từng đối tượng thuộc

phạm vi kiểm định, theo yêu cầu tại quy trình kiểm định.

+ Có ít nhất 02 kiểm định viên làm việc theo hợp đồng từ 12 tháng trở lên thuộc tổ chức để thực hiện kiểm định đối với mỗi đối tượng thuộc phạm vi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định.

+ Người phụ trách kỹ thuật hoạt động kiểm định của tổ chức phải có thời gian làm kiểm định viên tối thiểu 02 năm.

- Các thiết bị, nhân lực nêu trên tại các điểm a, b và c Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP) chỉ được sử dụng để làm điều kiện đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với một tổ chức.

I. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015.

- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

* **Ghi chú:** Thủ tục hành chính này được sửa đổi, bổ sung cơ quan thực hiện thủ tục hành chính, căn cứ pháp lý.

Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động**

Kính gửi:

1. Tên tổ chức:

Điện thoại:Fax: E-mail:

2. Được thành lập theo Quyết định/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số Cơ quan cấp: cấp ngày tại

3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đã được cấp số:; Ngày hết hiệu lực:

4. Đề nghị quý Cơ quan xem xét và cấp lại (gia hạn) Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo phạm vi sau đây:

STT	Tên đối tượng kiểm định <i>(Theo Danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành)</i>	Giới hạn đặc tính kỹ thuật <i>(Giới hạn đặc tính kỹ thuật của máy, thiết bị, vật tư mà tổ chức có khả năng thực hiện)</i>
1	
2	

- Lý do (trong trường hợp đề nghị gia hạn, không cần điền thông tin ở mục này) ...

5. Tài liệu kèm theo gồm có: -

6. Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị này và các hồ sơ, tài liệu kèm theo;

- Thực hiện đúng các quy định về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC.....*(Ký tên và đóng dấu)*

Phụ lục số Ia ban hành kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP
MẪU DANH MỤC THIẾT BỊ, DỤNG CỤ PHỤC VỤ KIỂM ĐỊNH
(TÊN TỔ CHỨC)

DANH MỤC THIẾT BỊ, DỤNG CỤ PHỤC VỤ KIỂM ĐỊNH

TT	TÊN PHƯƠNG TIỆN	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	TÌNH TRẠNG HIỆU CHUẨN/ KIỂM ĐỊNH	THỜI HẠN HIỆU CHUẨN	MÃ SỐ CHẾ TẠO THIẾT BỊ	TÌNH TRẠNG THIẾT BỊ
1						
2						
3						
4						

....., ngày tháng năm.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC....

(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 140/2018/NĐ-CP
(TÊN TỔ CHỨC).....

DANH SÁCH KIỂM ĐỊNH VIÊN

STT	Họ và tên	Số hiệu kiểm định viên (nếu có)	Phạm vi kiểm định	Số hợp đồng lao động/loại hợp đồng lao động
1				
2				
3				
4				
.....				

....., ngày ... tháng ... năm

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

4. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với trường hợp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận

a. Trình tự thực hiện

Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

Tổ chức có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đến Cơ quan thực hiện (các Bộ có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động được phân công tại Phụ lục I.4.1 ban hành kèm theo Phụ lục I.4 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh theo nội dung phân cấp được quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP).

Bước 2. Thẩm định và cấp lại Giấy chứng nhận

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền phải tiến hành thẩm định và cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động. Trường hợp không cấp lại thì phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

c. Thành phần số lượng hồ sơ

c.1) Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP.

- Giấy chứng nhận đã được cấp.

- Tài liệu chứng minh thay đổi về điều kiện cấp Giấy chứng nhận.

c.2) Số lượng: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Không quá 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kiểm định có nhu cầu sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: các Bộ có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động được phân công tại Phụ lục I.4.1 ban hành kèm theo Phụ lục I.4 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh theo nội dung phân cấp được quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động hoặc thông báo bằng văn bản trong trường hợp không cấp lại và nêu rõ lý do.

h. Phí, lệ phí: theo quy định tại Thông tư số 245/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; Thông tư số 110/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Biểu mức thu phí thẩm định điều kiện kinh doanh trong hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân; các văn bản quy phạm pháp luật khác (nếu có).

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (tại Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP).

- Danh mục thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định (tại Phụ lục số Ia ban hành kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP).

- Danh sách kiểm định viên (tại Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 140/2018/NĐ-CP).

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định 140/2018/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

- Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

+ Bảo đảm thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định cho từng đối tượng thuộc phạm vi kiểm định, theo yêu cầu tại quy trình kiểm định;

+ Có ít nhất 02 kiểm định viên làm việc theo hợp đồng từ 12 tháng trở lên thuộc tổ chức để thực hiện kiểm định đối với mỗi đối tượng thuộc phạm vi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định;

+ Người phụ trách kỹ thuật hoạt động kiểm định của tổ chức phải có thời gian làm kiểm định viên tối thiểu 02 năm.

- Các thiết bị, nhân lực nêu trên tại các điểm a, b và c Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP) chỉ được sử dụng để làm điều kiện đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với một tổ chức.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015.

- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ

quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

* **Ghi chú:** Thủ tục hành chính này được sửa đổi, bổ sung cơ quan thực hiện thủ tục hành chính, căn cứ pháp lý.

Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

Kính gửi:

1. Tên tổ chức:

Điện thoại: Fax: E-mail:

2. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... Cơ quan cấp: cấp ngày tại

3. Sau khi nghiên cứu quy định tại Nghị định số [44/2016/NĐ-CP](#) ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các đối tượng kiểm định trong phạm vi sau đây:

STT	Tên đối tượng kiểm định <i>(Theo Danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành)</i>	Giới hạn đặc tính kỹ thuật <i>(Giới hạn đặc tính kỹ thuật của máy, thiết bị, vật tư mà tổ chức có khả năng thực hiện)</i>
1	
2	

Đề nghị quý Cơ quan xem xét và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho ... (tên tổ chức) theo phạm vi nêu trên.

4. Tài liệu gửi kèm theo gồm có:.....

5. Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị này và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

- Thực hiện đúng các quy định về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC....

(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục số Ia ban hành kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP
MẪU DANH MỤC THIẾT BỊ, DỤNG CỤ PHỤC VỤ KIỂM ĐỊNH
(TÊN TỔ CHỨC)

DANH MỤC THIẾT BỊ, DỤNG CỤ PHỤC VỤ KIỂM ĐỊNH

TT	TÊN PHƯƠNG TIỆN	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	TÌNH TRẠNG HIỆU CHUẨN/ KIỂM ĐỊNH	THỜI HẠN HIỆU CHUẨN	MÃ SỐ CHẾ TẠO THIẾT BỊ	TÌNH TRẠNG THIẾT BỊ
1						
2						
3						
4						

....., ngày tháng năm.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC...

(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 140/2018/NĐ-CP
(TÊN TỔ CHỨC).....

DANH SÁCH KIỂM ĐỊNH VIÊN

STT	Họ và tên	Số hiệu kiểm định viên (nếu có)	Phạm vi kiểm định	Số hợp đồng lao động/loại hợp đồng lao động
1				
2				
3				
4				
.....				

....., ngày ... tháng ... năm

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

5. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hỏng

a. Trình tự thực hiện

Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

Tổ chức có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đến Cơ quan thực hiện (các Bộ có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động được phân công tại Phụ lục I.4.1 ban hành kèm theo Phụ lục I.4 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh theo nội dung phân cấp được quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP).

Bước 2. Thẩm định và cấp lại Giấy chứng nhận

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền phải tiến hành thẩm định và cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động. Trường hợp không cấp lại thì phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

c. Thành phần số lượng hồ sơ

c.1) Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động quy định theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP.

- Giấy chứng nhận đã được cấp trong trường hợp bị hỏng.

c.2) Số lượng: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Không quá 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức kiểm định bị mất hoặc hỏng Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: các Bộ có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động được phân công tại Phụ lục I.4.1 ban hành kèm theo Phụ lục I.4 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh theo nội dung phân cấp được quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện

hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động hoặc thông báo bằng văn bản trong trường hợp không cấp lại và nêu rõ lý do.

h. Phí, lệ phí: Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (tại Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP).

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015.

- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

* **Ghi chú:** Thủ tục hành chính này được sửa đổi, bổ sung cơ quan thực hiện thủ tục hành chính, căn cứ pháp lý.

Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động**

Kính gửi:

1. Tên tổ chức:

Điện thoại: Fax: E-mail:

2. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... Cơ quan cấp: cấp ngày tại

3. Sau khi nghiên cứu quy định tại Nghị định số [44/2016/NĐ-CP](#) ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các đối tượng kiểm định trong phạm vi sau đây:

STT	Tên đối tượng kiểm định <i>(Theo Danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành)</i>	Giới hạn đặc tính kỹ thuật <i>(Giới hạn đặc tính kỹ thuật của máy, thiết bị, vật tư mà tổ chức có khả năng thực hiện)</i>
1	
2	

Đề nghị quý Cơ quan xem xét và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho ... (tên tổ chức) theo phạm vi nêu trên.

4. Tài liệu gửi kèm theo gồm có:.....

5. Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị này và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

- Thực hiện đúng các quy định về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC....*(Ký tên và đóng dấu)*

6. Cấp Chứng chỉ kiểm định viên

a. Trình tự thực hiện

Bước 1. Cá nhân có nhu cầu cấp chứng chỉ kiểm định viên gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ kiểm định viên đến cơ quan có thẩm quyền (cơ quan chuyên môn thuộc các bộ có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định quy định tại Phụ lục I.4.1 ban hành kèm theo Phụ lục I.4 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh theo phân cấp được quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP đối với thẩm quyền của Bộ Xây dựng; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân cấp tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP đối với thẩm quyền của Bộ Công Thương quản lý).

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp chứng chỉ cho kiểm định viên; trường hợp không cấp thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

c.1) Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ kiểm định viên.
- Bản sao văn bằng tốt nghiệp đại học của người đề nghị cấp chứng chỉ có chứng thực hoặc xuất trình bản chính để đối chiếu.
- Tài liệu chứng minh tiêu chuẩn quy định tại Khoản 3 và khoản 4 Điều 9 Nghị định 44/2016/NĐ-CP (mỗi loại 01 bản), cụ thể:
 - + Tài liệu chứng minh có ít nhất 02 năm làm kỹ thuật kiểm định hoặc làm công việc thiết kế, sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, vận hành, bảo trì về đối tượng kiểm định;
 - + Tài liệu chứng minh đã hoàn thành khóa huấn luyện và sát hạch đạt yêu cầu về nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động với đối tượng kiểm định hoặc có thời gian thực hiện kiểm định đối tượng kiểm định trên 10 năm tính đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực.
- 02 ảnh màu cỡ 3x4 của người đề nghị cấp chứng chỉ chụp trong khoảng thời gian 06 tháng, kể từ ngày đề nghị.

c.2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận

được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân có nhu cầu cấp chứng chỉ kiểm định viên kiểm định các máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan chuyên môn thuộc các bộ có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định quy định tại Phụ lục I.4.1 ban hành kèm theo Phụ lục I.4 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh theo phân cấp được quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP đối với thẩm quyền của Bộ Xây dựng; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân cấp tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP đối với thẩm quyền của Bộ Công Thương quản lý.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ kiểm định viên hoặc văn bản trả lời và nêu rõ lý do trong trường hợp không cấp Chứng chỉ.

h. Phí, lệ phí: Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị cấp chứng chỉ kiểm định viên (tại Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP).

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: người được cấp Chứng chỉ kiểm định viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn kiểm định viên quy định tại Điều 9 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP, cụ thể:

- Có trình độ đại học trở lên, thuộc chuyên ngành kỹ thuật phù hợp với đối tượng kiểm định;

- Có ít nhất 02 năm làm kỹ thuật kiểm định hoặc làm công việc thiết kế, sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, vận hành, bảo trì về đối tượng kiểm định;

- Đã hoàn thành khóa huấn luyện và sát hạch đạt yêu cầu về nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động với đối tượng kiểm định hoặc có thời gian thực hiện kiểm định đối tượng kiểm định trên 10 năm tính đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015.

- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

* **Ghi chú:** Thủ tục hành chính này được sửa đổi, bổ sung cơ quan thực hiện thủ tục hành chính, căn cứ pháp lý.

Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp (hoặc cấp lại) chứng chỉ kiểm định viên

Kính gửi:

Họ và tên:ngày sinh:

Số CMND/Căn cước công dân:.....

Trình độ học vấn:điện thoạiE-mail:

Đề nghị cấp chứng chỉ kiểm định viên với phạm vi sau đây:

TT	Phạm vi đề nghị	
	Tên đối tượng kiểm định	Giới hạn đặc tính kỹ thuật

hoặc

Đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên số hiệu

Lý do/Nội dung đề nghị cấp lại:

Hồ sơ kèm theo gồm có:

CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký tên và ghi rõ họ tên hoặc ký số)

7. Cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên đối với trường hợp bổ sung, sửa đổi nội dung chứng chỉ kiểm định viên

a. Trình tự thực hiện

Bước 1. Cá nhân có nhu cầu cấp lại chứng chỉ kiểm định viên gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ kiểm định viên đến cơ quan có thẩm quyền (cơ quan chuyên môn thuộc các bộ có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định quy định tại Phụ lục I.4.1 ban hành kèm theo Phụ lục I.4 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh theo phân cấp được quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP đối với thẩm quyền của Bộ Xây dựng; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân cấp tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP đối với thẩm quyền của Bộ Công Thương quản lý).

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp lại chứng chỉ cho kiểm định viên; trường hợp không cấp lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

c.1) Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên.

- Bản gốc chứng chỉ đã được cấp hoặc bản sao chứng chỉ đã được cấp khi thực hiện nộp hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

- Tài liệu chứng minh sự phù hợp của yêu cầu bổ sung, sửa đổi (mỗi loại 01 bản);

- 02 ảnh màu cỡ 3x4 của người đề nghị cấp lại chứng chỉ chụp trong khoảng thời gian 6 tháng, kể từ ngày đề nghị.

c.2) Số lượng: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân có nhu cầu cấp lại chứng chỉ kiểm định viên kiểm định các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan chuyên môn thuộc

các bộ có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định quy định tại Phụ lục I.4.1 ban hành kèm theo Phụ lục I.4 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh theo phân cấp được quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP đối với thẩm quyền của Bộ Xây dựng; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân cấp tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP đối với thẩm quyền của Bộ Công Thương quản lý.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ kiểm định viên hoặc văn bản trả lời và nêu rõ lý do trong trường hợp không cấp lại Chứng chỉ.

h. Phí, lệ phí: Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên (tại Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP).

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: người được cấp Chứng chỉ kiểm định viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn kiểm định viên quy định tại Điều 9 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP, cụ thể:

- Có trình độ đại học trở lên, thuộc chuyên ngành kỹ thuật phù hợp với đối tượng kiểm định;

- Có ít nhất 02 năm làm kỹ thuật kiểm định hoặc làm công việc thiết kế, sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, vận hành, bảo trì về đối tượng kiểm định;

- Đã hoàn thành khóa huấn luyện và sát hạch đạt yêu cầu về nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động với đối tượng kiểm định hoặc có thời gian thực hiện kiểm định đối tượng kiểm định trên 10 năm tính đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015.

- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ

ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

* **Ghi chú:** Thủ tục hành chính này được sửa đổi, bổ sung cơ quan thực hiện thủ tục hành chính, căn cứ pháp lý.

Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp (hoặc cấp lại) chứng chỉ kiểm định viên

Kính gửi:

Họ và tên:ngày sinh:

Số CMND/Căn cước công dân:.....

Trình độ học vấn:điện thoạiE-mail:

Đề nghị cấp chứng chỉ kiểm định viên với phạm vi sau đây:

TT	Phạm vi đề nghị	
	Tên đối tượng kiểm định	Giới hạn đặc tính kỹ thuật

hoặc

Đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên số hiệu

Lý do/Nội dung đề nghị cấp lại:

Hồ sơ kèm theo gồm có:

CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký tên và ghi rõ họ tên hoặc ký số)

8. Cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên trong trường hợp hết hạn

a. Trình tự thực hiện

Bước 1. Cá nhân có nhu cầu cấp lại chứng chỉ kiểm định viên gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ kiểm định viên đến cơ quan có thẩm quyền (cơ quan chuyên môn thuộc các bộ có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định quy định tại Phụ lục I.4.1 ban hành kèm theo Phụ lục I.4 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh theo phân cấp được quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP đối với thẩm quyền của Bộ Xây dựng; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân cấp tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP đối với thẩm quyền của Bộ Công Thương quản lý).

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp lại chứng chỉ cho kiểm định viên; trường hợp không cấp lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

c.1) Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên.
- Bản gốc chứng chỉ đã được cấp hoặc bản sao chứng chỉ đã được cấp khi thực hiện nộp hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.
- Kết quả sát hạch trước khi cấp lại.

c.2) Số lượng: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân có nhu cầu cấp lại chứng chỉ kiểm định viên kiểm định các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn thuộc các bộ có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định quy định tại Phụ lục I.4.1 ban hành kèm theo Phụ lục I.4 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh theo phân cấp được quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ kiểm định viên hoặc văn bản trả lời và nêu rõ lý do trong trường hợp không cấp lại Chứng chỉ.

h. Phí, lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên (tại Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP).

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Người được cấp Chứng chỉ kiểm định viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn kiểm định viên quy định tại Điều 9 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP, cụ thể:

- Có trình độ đại học trở lên, thuộc chuyên ngành kỹ thuật phù hợp với đối tượng kiểm định;

- Có ít nhất 02 năm làm kỹ thuật kiểm định hoặc làm công việc thiết kế, sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, vận hành, bảo trì về đối tượng kiểm định;

- Đã hoàn thành khóa huấn luyện và sát hạch đạt yêu cầu về nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động với đối tượng kiểm định hoặc có thời gian thực hiện kiểm định đối tượng kiểm định trên 10 năm tính đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015.

- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

* **Ghi chú:** Thủ tục hành chính này được sửa đổi, bổ sung cơ quan thực hiện thủ tục hành chính, căn cứ pháp lý.

Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp (hoặc cấp lại) chứng chỉ kiểm định viên

Kính gửi:

Họ và tên:ngày sinh:

Số CMND/Căn cước công dân:.....

Trình độ học vấn:điện thoạiE-mail:

Đề nghị cấp chứng chỉ kiểm định viên với phạm vi sau đây:

TT	Phạm vi đề nghị	
	Tên đối tượng kiểm định	Giới hạn đặc tính kỹ thuật

hoặc

Đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên số hiệu

Lý do/Nội dung đề nghị cấp lại:

Hồ sơ kèm theo gồm có:

CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký tên và ghi rõ họ tên hoặc ký số)

9. Cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên đối với trường hợp bị hỏng hoặc mất

a. Trình tự thực hiện

Bước 1. Cá nhân có nhu cầu cấp lại chứng chỉ kiểm định viên gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ kiểm định viên đến cơ quan có thẩm quyền (cơ quan chuyên môn thuộc các bộ có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định quy định tại Phụ lục I.4.1 ban hành kèm theo Phụ lục I.4 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh theo phân cấp được quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP đối với thẩm quyền của Bộ Xây dựng; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân cấp tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP đối với thẩm quyền của Bộ Công Thương quản lý).

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp lại chứng chỉ cho kiểm định viên; trường hợp không cấp lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

c. Thành phần số lượng hồ sơ

c.1) Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên.
- 02 ảnh màu cỡ 3x4 của người đề nghị cấp lại chứng chỉ chụp trong khoảng thời gian 06 tháng, kể từ ngày đề nghị.

c.2) Số lượng: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân có nhu cầu cấp lại chứng chỉ kiểm định viên kiểm định các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan chuyên môn thuộc các bộ có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định quy định tại Phụ lục I.4.1 ban hành kèm theo Phụ lục I.4 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh theo phân cấp được quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP đối với thẩm quyền của Bộ Xây dựng; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân cấp tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP đối với thẩm quyền của Bộ Công Thương quản lý.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ kiểm định viên hoặc công văn trả lời nêu rõ lý do không cấp chứng chỉ.

h. Phí, lệ phí: Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên (tại Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP).

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015.

- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

* **Ghi chú:** Thủ tục hành chính này được sửa đổi, bổ sung cơ quan thực hiện thủ tục hành chính, căn cứ pháp lý.

Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp (hoặc cấp lại) chứng chỉ kiểm định viên

Kính gửi:

Họ và tên:ngày sinh:

Số CMND/Căn cước công dân:.....

Trình độ học vấn:điện thoạiE-mail:

Đề nghị cấp chứng chỉ kiểm định viên với phạm vi sau đây:

TT	Phạm vi đề nghị	
	Tên đối tượng kiểm định	Giới hạn đặc tính kỹ thuật

hoặc

Đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên số hiệu

Lý do/Nội dung đề nghị cấp lại:

Hồ sơ kèm theo gồm có:

CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký tên và ghi rõ họ tên hoặc ký số)

10. Cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên đối với trường hợp bị thu hồi

a. Trình tự thực hiện

Bước 1. Cá nhân có nhu cầu cấp lại chứng chỉ kiểm định viên gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ kiểm định viên đến cơ quan có thẩm quyền (cơ quan chuyên môn thuộc các bộ có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định quy định tại Phụ lục I.4.1 ban hành kèm theo Phụ lục I.4 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh theo phân cấp được quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP đối với thẩm quyền của Bộ Xây dựng; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân cấp tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP đối với thẩm quyền của Bộ Công Thương quản lý).

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp lại chứng chỉ cho kiểm định viên; trường hợp không cấp lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

c.1) Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên.
- Báo cáo việc thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền về khắc phục sai phạm.
- Văn bản chứng minh đã hoàn thành khóa huấn luyện và sát hạch đạt yêu cầu về nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động với đối tượng kiểm định tổ chức sau thời điểm quyết định thu hồi chứng chỉ có hiệu lực đối với trường hợp quy định tại các điểm c và đ Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.

- 02 ảnh màu cỡ 3x4 của người đề nghị cấp lại chứng chỉ chụp trong khoảng thời gian 06 tháng, kể từ ngày đề nghị.

c.2) Số lượng: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: Không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân có nhu cầu cấp lại chứng chỉ kiểm định viên kiểm định các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn thuộc các bộ có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định quy định

tại Phụ lục I.4.1 ban hành kèm theo Phụ lục I.4 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh theo phân cấp được quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP đối với thẩm quyền của Bộ Xây dựng; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân cấp tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP đối với thẩm quyền của Bộ Công Thương quản lý.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ kiểm định viên hoặc văn bản trả lời và nêu rõ lý do trong trường hợp không cấp lại chứng chỉ.

h. Phí, lệ phí: Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên (tại Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP).

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Chứng chỉ kiểm định viên chỉ được xem xét cấp lại sau thời hạn ít nhất 06 tháng, kể từ ngày bị thu hồi.

- Thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền về khắc phục sai phạm;

- Đã hoàn thành khóa huấn luyện và sát hạch đạt yêu cầu về nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động với đối tượng kiểm định tổ chức sau thời điểm quyết định thu hồi chứng chỉ có hiệu lực đối với trường hợp: không làm việc tại bất kỳ tổ chức kiểm định nào từ 12 tháng trở lên; thực hiện kiểm định không đúng quy trình kiểm định.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015.

- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Về

thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

* **Ghi chú:** Thủ tục hành chính này được sửa đổi, bổ sung cơ quan thực hiện thủ tục hành chính, căn cứ pháp lý.

Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp (hoặc cấp lại) chứng chỉ kiểm định viên

Kính gửi:

Họ và tên:ngày sinh:

Số CMND/Căn cước công dân:.....

Trình độ học vấn:điện thoạiE-mail:

Đề nghị cấp chứng chỉ kiểm định viên với phạm vi sau đây:

TT	Phạm vi đề nghị	
	Tên đối tượng kiểm định	Giới hạn đặc tính kỹ thuật

hoặc

Đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên số hiệu

Lý do/Nội dung đề nghị cấp lại:

Hồ sơ kèm theo gồm có:

CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký tên và ghi rõ họ tên hoặc ký số)

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

11. Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động

a. Trình tự thực hiện

Bước 1. Doanh nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động, Sở Nội vụ kiểm tra, xác thực hồ sơ đề nghị của doanh nghiệp cho thuê lại lao động và việc hoàn thành nghĩa vụ đối với người lao động thuê lại của doanh nghiệp cho thuê lại lao động trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động cho thuê lại lao động và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng ý để doanh nghiệp cho thuê lại lao động rút tiền ký quỹ.

Bước 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đồng ý về việc rút tiền ký quỹ và phương án sử dụng tiền ký quỹ (nếu có) gửi doanh nghiệp cho thuê lại lao động và ngân hàng nhận ký quỹ. Trường hợp không đồng ý thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4. Sau khi có văn bản đồng ý về việc rút tiền ký quỹ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, doanh nghiệp cho thuê lại lao động nộp hồ sơ theo quy định tại điểm C.VII.3 Mục 1 Phụ lục I.4 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP tại ngân hàng nhận ký quỹ.

Bước 5. Ngân hàng nhận ký quỹ tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động, nếu đúng quy định thì ngân hàng nhận ký quỹ cho doanh nghiệp cho thuê lại lao động thực hiện rút tiền ký quỹ trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ rút tiền ký quỹ.

Trường hợp doanh nghiệp rút tiền ký quỹ do: (i) doanh nghiệp cho thuê lại lao động gặp khó khăn, không đủ nguồn tài chính để thanh toán đủ tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các chế độ khác đối với người lao động thuê lại theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy, quy chế của doanh nghiệp cho thuê lại lao động sau thời hạn 30 ngày kể từ ngày đến thời hạn thanh toán theo quy định của pháp luật; (ii) doanh nghiệp cho thuê lại lao động gặp khó khăn, không đủ khả năng bồi thường cho người lao động thuê lại do vi phạm hợp đồng lao động đối với người lao động thuê lại hoặc gây thiệt hại cho người lao động thuê lại vì không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động thuê lại sau thời hạn 60 ngày kể từ ngày đến thời hạn bồi thường theo quy định của pháp luật thì việc thanh toán, bồi thường cho người lao động thuê lại do ngân hàng

nhận ký quỹ trực tiếp chi trả theo phương án đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng ý sau khi trừ chi phí dịch vụ ngân hàng.

b) Cách thức thực hiện

Doanh nghiệp có thể nộp hồ sơ theo 1 trong 3 cách thức sau: trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, qua bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

c.1) Thành phần hồ sơ

c.1.1) Hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho rút tiền ký quỹ gửi đến Sở Nội vụ

- Văn bản đề nghị rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động.

- Phương án sử dụng số tiền rút từ tài khoản ký quỹ, gồm: lý do, mục đích rút tiền ký quỹ; danh sách, số lượng người lao động, số tiền, thời gian, phương thức thanh toán đối với trường hợp rút tiền ký quỹ quy định tại các điểm C.VII.1.a và C.VII.1.b Mục 1 Phụ lục I.4 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP, cụ thể như sau: (1) doanh nghiệp cho thuê lại lao động gặp khó khăn, không đủ nguồn tài chính để thanh toán đủ tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các chế độ khác đối với người lao động thuê lại theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy, quy chế của doanh nghiệp cho thuê lại lao động sau thời hạn 30 ngày kể từ ngày đến thời hạn thanh toán theo quy định của pháp luật; (2) doanh nghiệp cho thuê lại lao động gặp khó khăn, không đủ khả năng bồi thường cho người lao động thuê lại do vi phạm hợp đồng lao động đối với người lao động thuê lại hoặc gây thiệt hại cho người lao động thuê lại vì không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động thuê lại sau thời hạn 60 ngày kể từ ngày đến thời hạn bồi thường theo quy định của pháp luật.

- Báo cáo việc hoàn thành nghĩa vụ và văn bản chứng minh việc hoàn thành nghĩa vụ đối với người lao động thuê lại trong trường hợp rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp chấm dứt hoạt động cho thuê lại lao động.

- Giấy chứng nhận tiền ký quỹ hoạt động cho thuê lại lao động đối với trường hợp rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động đã thực hiện ký quỹ tại một ngân hàng nhận ký quỹ khác.

c.1.2) Hồ sơ rút tiền ký quỹ gửi ngân hàng nhận ký quỹ

- Văn bản đề nghị rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động.

- Văn bản đồng ý về việc rút tiền ký quỹ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu số 01 Phụ lục I.4 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP.

- Chứng từ rút tiền ký quỹ theo quy định của ngân hàng nhận ký quỹ (nếu có).

c.2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết

- 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với việc chấp thuận rút tiền ký quỹ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với việc cho doanh nghiệp cho thuê lại rút tiền ký quỹ của Ngân hàng nhận ký quỹ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp cho thuê lại lao động.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Nội vụ; Ngân hàng nhận tiền ký quỹ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản đồng ý về việc rút tiền ký quỹ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc văn bản trả lời trong trường hợp không đồng ý và nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Doanh nghiệp cho thuê lại lao động rút tiền ký quỹ khi doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau:

- Doanh nghiệp cho thuê lại lao động gặp khó khăn, không đủ nguồn tài chính để thanh toán đủ tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các chế độ khác đối với người lao động thuê lại theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy, quy chế của doanh nghiệp cho thuê lại lao động sau thời hạn 30 ngày kể từ ngày đến thời hạn thanh toán theo quy định của pháp luật;

- Doanh nghiệp cho thuê lại lao động gặp khó khăn, không đủ khả năng bồi thường cho người lao động thuê lại do vi phạm hợp đồng lao động đối với người lao động thuê lại hoặc gây thiệt hại cho người lao động thuê lại vì không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động thuê lại sau thời hạn 60 ngày kể từ ngày đến thời hạn bồi thường theo quy định của pháp luật;

- Doanh nghiệp chấm dứt hoạt động cho thuê lại lao động;

- Doanh nghiệp cho thuê lại lao động đã thực hiện ký quỹ tại một ngân hàng nhận ký quỹ khác.

l) Căn cứ pháp lý

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội Khóa XV quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.

- Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.

- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

* **Ghi chú:** Thủ tục hành chính này được sửa đổi, bổ sung trình tự thực hiện; thành phần hồ sơ; yêu cầu, điều kiện; căn cứ pháp lý.

12. Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập

a) Trình tự thực hiện

Bước 1. Doanh nghiệp đưa người lao động Việt Nam đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ tại điểm A.VII Mục 1 Phụ lục I.7 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP đăng ký trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kiểm tra hồ sơ, tra cứu thông tin về giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì yêu cầu doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nộp bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Bước 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính phải trả lời bằng văn bản cho doanh nghiệp; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến.

c) Thành phần hồ sơ

- Văn bản đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập (theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BNV);

- Bản sao hợp đồng nhận lao động thực tập kèm theo bản dịch tiếng Việt;

- Tài liệu chứng minh việc đưa người lao động Việt Nam đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước tiếp nhận lao động.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Doanh nghiệp chỉ phải nộp thành phần hồ sơ này khi cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không khai thác được đầy đủ, chính xác thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp).

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp Việt Nam đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời cho doanh nghiệp; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

i) Lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập (theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BNV).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục

Doanh nghiệp đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài đáp ứng điều kiện:

a) Có hợp đồng nhận lao động thực tập với cơ sở tiếp nhận thực tập ở nước ngoài để đưa người lao động Việt Nam đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài phù hợp với quy định tại Điều 37 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm A.VI Mục 1 Phụ lục I.7 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP chấp thuận.

b) Chỉ được đưa người lao động có hợp đồng lao động và hợp đồng đào tạo nghề ở nước ngoài đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề tại cơ sở tiếp nhận thực tập ở nước ngoài theo hợp đồng nhận lao động thực tập.

c) Ngành, nghề, công việc cụ thể người lao động Việt Nam đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài phải phù hợp với lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục

- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 13 tháng 11 năm 2020.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội Khóa XV quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về việc cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ

- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.

- Nghị định 112/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Thông tư số 09/2026/TT-BNV ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

* **Ghi chú:** Thủ tục hành chính này sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý.

Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BNV

Mã hồ sơ:

Tên doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/ĐKHD

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG NHẬN LAO ĐỘNG THỰC TẬP

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...

1. Tên doanh nghiệp:

- Tên giao dịch:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:; Fax:; Email:

- Người đại diện theo pháp luật:

2. Doanh nghiệp đăng ký Hợp đồng nhận lao động thực tập tại đã ký ngày/...../..... với cơ sở tiếp nhận thực tập ở nước ngoài:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:; Fax:; Email:

- Người đại diện

- Chức vụ:

3. Những nội dung chính trong Hợp đồng nhận lao động thực tập:

- Thời hạn thực tập:

- Số lượng:, trong đó nữ:

- Ngành, nghề:

- Nước tiếp nhận thực tập:

- Địa điểm thực tập:

- Thời giờ thực tập, thời giờ nghỉ ngơi:

- Lương thực tập:

- Các phụ cấp khác (nếu có):

- Điều kiện ăn, ở:

- Các chế độ bảo hiểm:

- An toàn, vệ sinh lao động:

- Các chi phí do chi trả:

+ Chi phí đi lại từ Việt Nam đến nơi thực tập và ngược lại

+ Phí cấp thị thực (visa)

+ Chi phí khác (nếu có)

- Hỗ trợ khác (*nếu có*):

4. Các khoản thu từ tiền lương của người lao động trong thời gian thực tập:

.....

5. Dự kiến thời gian xuất cảnh:

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**
(*Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên*)

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết

a) Trình tự thực hiện

Bước 1. Người lao động nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tới Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người lao động.

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người lao động xác nhận bằng văn bản việc đăng ký hợp đồng lao động cho người lao động; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

c1. Thành phần hồ sơ

- Văn bản đăng ký theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BNV.

- Bản sao hợp đồng lao động kèm theo bản dịch tiếng Việt được chứng thực.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người lao động Việt Nam trực tiếp giao kết hợp đồng.

f. Cơ quan giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người lao động.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời cho người lao động; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

h. Phí, lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết với người sử dụng lao động ở nước ngoài (theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BNV).

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động trực tiếp giao kết đáp ứng các điều kiện:

a) Các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 6 Điều 44 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, cụ thể gồm: Có

năng lực hành vi dân sự đầy đủ; tự nguyện đi làm việc ở nước ngoài; đủ sức khoẻ theo quy định của pháp luật Việt Nam và yêu cầu của nước tiếp nhận lao động; đáp ứng yêu cầu về trình độ ngoại ngữ, chuyên môn, trình độ, kỹ năng nghề và các điều kiện khác theo yêu cầu của nước tiếp nhận lao động; không thuộc trường hợp bị cấm xuất cảnh, không được xuất cảnh, bị tạm hoãn xuất cảnh theo quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Có hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 52 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

I. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 13 tháng 11 năm 2020.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.

- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.

- Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ.

- Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Thông tư số 09/2026/TT-BNV ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

* **Ghi chú:** Thủ tục hành chính này được sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ; mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý.

Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP GIAO KẾT
VỚI NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG Ở NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường...

1. Thông tin người đăng ký hợp đồng:

- Họ và tên:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Số định danh cá nhân/Căn cước/Hộ chiếu:
- Cấp ngày:thángnămNơi cấp:
- Nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú):
- Số điện thoại:; E-mail:
- Trình độ học vấn/trình độ chuyên môn
- Nghề nghiệp hiện nay:
- Địa chỉ báo tin tại Việt Nam:
- Người được báo tin: (*quan hệ với người lao động*)
- Điện thoại; email:

2. Tôi đăng ký Hợp đồng lao động trực tiếp giao kết đi làm việc tại
 ký ngày/...../..... với:

- Người sử dụng lao động:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:; email:

3. Thông tin về việc làm ở nước ngoài:

- Ngành, nghề, công việc:
- Thời hạn của hợp đồng:
- Địa điểm làm việc:
- Tiền lương, tiền công:
- Dự kiến thời gian xuất cảnh:

4. Các chi phí do chi trả:

- + Chi phí đi lại từ Việt Nam đến nơi làm việc và ngược lại:
- + Lệ phí thị thực (visa):
- + Tiền khám sức khỏe:
- + Lệ phí cấp hộ chiếu:
- + Lệ phí cấp lý lịch tư pháp:
- + Chi phí khác (*nếu có*):

5. Hồ sơ gửi kèm theo bao gồm:

- + Hợp đồng lao động (*bản sao kèm theo bản dịch tiếng Việt được chứng thực*);
- + Bản sao Định danh cá nhân/Căn cước hoặc Hộ chiếu;
- + Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã nơi người lao động thường trú hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người lao động.

Tôi xin cam kết chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật nước đến làm việc, chịu trách nhiệm hoàn toàn về hợp đồng mà tôi đã ký; thực hiện đầy đủ trách nhiệm của công dân theo đúng quy định của pháp luật về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng./.

....., ngày... tháng... năm.....

Người đăng ký

(Ký tên, ghi rõ họ tên)